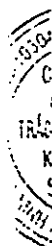


**Công ty CP Thủy sản Cafatex**

**MỤC LỤC**

**Trang**

01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24



**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

**1 Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Kịch	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tô Việt Khải	Thành viên
- Ông Lâm Thành Ghi	Thành viên
- Ông Lê Văn Phúc	Thành viên

Trong năm tài chính này, Ông Võ Đình Biên xin miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 28/05/2011.

**2 Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Thiệu	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Trương Thị Thanh Trang	Thành viên
- Bà Trần Kim Uyên	Thành viên

Trong năm tài chính này, bà Trần Thị Ngọc Dung xin miễn nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát và đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 28/05/2011.

**3 Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Kịch	Tổng Giám đốc
- Ông Tô Việt Khải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lâm Thành Ghi	Phó Tổng Giám đốc

Trong năm tài chính này, Ông Võ Đình Biên xin miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và đã được HĐQT phê duyệt.

**4 Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở của Công ty đặt tại Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

756-0  
NHÀN  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
TỔA  
VIỆ  
P. S

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**5 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

**6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**

**7 Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 24.

**Các kết quả tài chính**

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.018.459.589
- Lỗ từ hoạt động khác	(184.568.571)
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.833.891.018</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
- <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>5.833.891.018</b>

**8 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính riêng.

**9 Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty.

**10 Ý kiến của Hội đồng quản trị**

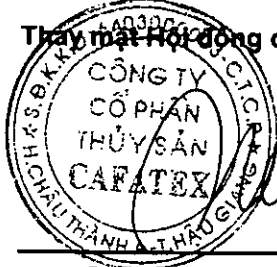
Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**Nguyễn Văn Kịch**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012



Số: 64 /2012/SVCT-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011  
của Công ty CP Thủy sản Cafatex

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty CP Thủy sản Cafatex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Thủy sản Cafatex ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 được lập ngày 10 tháng 04 năm 2012, từ trang 6 đến trang 24 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **VĂN PHÒNG TP.HCM**

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel : (84-8) 3526 1357 • 3526 1358 • Fax : (84-8) 3526 1359  
Email : svc-hcm@van.vn

#### **VĂN PHÒNG CẦN THƠ**

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ  
Tel : (0710) 3765 999 • Fax : (0710) 3765 766  
Email : svc-ct@van.vn

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Thủy sản Cafatex tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số 0325/KTV

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ**

Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Đặng Thị Thiên Nga'.

**Đặng Thị Thiên Nga**

Chứng chỉ KTV số 0462/KTV

750-  
NHÀN  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
SAO VIỆT  
TP. HCM

**CÔNG TY CP THÙY SẢN CAFATEX**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số : B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>529.788.625.302</b>	<b>385.502.818.077</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<i>V.1</i>	<b>898.164.006</b>	<b>3.177.458.337</b>
1. Tiền	111		898.164.006	3.177.458.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	<i>V.2</i>	<b>87.459.348.615</b>	<b>69.523.940.023</b>
1. Phải thu khách hàng	131		74.022.685.282	54.717.361.342
2. Trả trước cho người bán	132		12.423.189.917	13.804.959.201
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.065.563.263	1.053.709.327
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(52.089.847)	(52.089.847)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<i>V.3</i>	<b>437.034.889.582</b>	<b>303.139.820.063</b>
1. Hàng tồn kho	141		447.414.366.429	313.519.296.910
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.379.476.847)	(10.379.476.847)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	<i>V.4</i>	<b>4.396.223.099</b>	<b>4.661.599.654</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		611.927.858	689.566.309
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.666.359.509	2.856.254.774
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		38.638.653	38.638.653
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.079.297.079	1.077.139.918
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>167.487.206.462</b>	<b>174.677.745.310</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>150.447.847.601</b>	<b>156.269.140.060</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	140.874.083.901	143.564.248.627
- Nguyên giá	222		262.445.074.678	253.618.265.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.570.990.777)	(110.054.016.375)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	3.543.968.673	3.543.968.673
- Nguyên giá	228		3.543.968.673	3.543.968.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	6.029.795.027	9.160.922.760
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	<i>V.8</i>	<b>17.039.358.861</b>	<b>18.408.605.250</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.038.026.148	18.407.272.537
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.332.713	1.332.713
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>697.275.831.764</b>	<b>560.180.563.387</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>623.063.304.497</b>	<b>482.087.755.302</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>585.509.422.297</b>	<b>437.900.467.302</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	523.027.717.078	427.918.632.086
2. Phải trả người bán	312	V.10	58.284.092.833	6.852.006.489
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.913.523.846	1.864.434.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	-
5. Phải trả người lao động	315		4.101.396.427	3.045.019.168
6. Chi phí phải trả	316	V.11	506.244.915	300.923.694
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.296.227.709	901.008.824
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(3.619.780.511)	(2.981.557.050)
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>37.553.882.200</b>	<b>44.187.288.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	37.553.882.200	44.187.288.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.212.527.267</b>	<b>78.092.808.085</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>	V.14	<b>74.212.527.267</b>	<b>78.092.808.085</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		98.809.600.000	98.809.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		957.682.720	957.682.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.424.944.838	23.347.399.760
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.611.750.394)	(20.611.750.394)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.931.832.396)	102.386.270
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		423.000.000	423.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.859.117.501)	(24.935.510.271)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>697.275.831.764</b>	<b>560.180.563.387</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

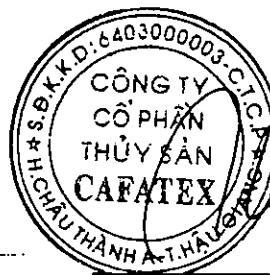
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		481,393,950	481,393,950
5. Ngoại tệ các loại			-
- USD		22,285.91	20,266.38
- EUR		388.73	407.37
- JPY		32,829.00	34,281.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Trần Thị Ngọc Dung*

**Trần Thị Ngọc Dung**  
Người lập

*Trần Minh Thành*

**Trần Minh Thành**  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Văn Kịch*

**Nguyễn Văn Kịch**  
Tổng Giám đốc  
Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

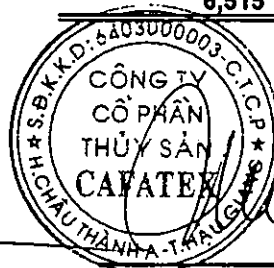
Mẫu số: B 02 - DN


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	916,668,000,428	884,082,646,413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8,883,771,940	11,673,244,172
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		907,784,228,488	872,409,402,241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	804,079,052,739	804,124,067,852
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		103,705,175,749	68,285,334,389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	30,088,898,699	56,092,302,008
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	81,056,773,204	61,347,084,265
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30,482,055,942	34,016,118,571
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	28,853,934,329	36,893,910,496
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	17,864,907,326	16,719,786,476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,018,459,589	9,416,855,160
11. Thu nhập khác	31	VI.8	143,704,264	40,637,788
12. Chi phí khác	32	VI.9	328,272,835	287,543,513
13. Lợi nhuận khác	40		(184,568,571)	(246,905,725)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,833,891,018	9,169,949,435
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,833,891,018	9,169,949,435
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6,515	10,241

  
 Trần Thị Ngọc Dung  
 Người lập

  
 Trần Minh Thành  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Văn Kịch  
 Tổng Giám đốc  
 Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Mẫu số: B 03 - DN

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	912,612,162,798	896,917,749,651
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(865,038,412,986)	(876,374,537,578)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(55,371,111,423)	(41,817,974,339)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(32,318,241,724)	(34,836,252,085)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	65,145,143,844	196,454,790,975
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(70,690,591,994)	(105,349,555,477)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(45,661,051,485)</b>	<b>34,494,221,147</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3,821,749,669)	(5,640,541,154)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,631,694,095	3,021,021,245
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,190,055,574)</b>	<b>(2,619,519,909)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,007,039,855,566	2,060,404,213,468
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,961,519,087,268)	(2,092,339,835,262)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>45,520,768,298</b>	<b>(31,935,621,794)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2,330,338,761)</b>	<b>(60,920,556)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3,177,458,337</b>	<b>3,227,413,936</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>51,044,430</b>	<b>10,964,957</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>898,164,006</b>	<b>3,177,458,337</b>

  
**Trần Thị Ngọc Dung**  
 Người lập

  
**Trần Minh Thành**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Văn Kịch**  
 Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty CP Thủy sản Cafatex được thành lập do chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Xi nghiệp Chế biến Thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ, thành công ty cổ phần theo Quyết định số 209/QĐ-CT.UB ngày 27/02/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000003 ngày 02/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 98.809.600.000 đồng.

Nhóm cổ đông	Số CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty SCIC	286.548	28.654.800.000	29,00%
- Cổ đông cá nhân	701.548	70.154.800.000	71,00%
<b>Cộng</b>	<b>988.096</b>	<b>98.809.600.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 là: 98.809.600.000.

**2 Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở của Công ty đặt tại Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

**3 Các công ty con và công ty liên kết: không có**

**4 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

**5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011*

*Đơn vị tính: đồng Việt Nam*

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2 Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

***Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

***Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2011. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) được trình bày trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011**

**Đơn vị tính: đồng Việt Nam**

**3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai định kỳ

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty đã xem xét và lập dự phòng đối với hàng tồn kho hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm.

**4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	14 - 16 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm

**5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác**

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

7750-1  
NHÂN  
VỀ T  
BỘ M  
H TỐ  
J VI  
- TP

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011*

*Đơn vị tính: đồng Việt Nam*

**6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa đối với việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 2.041.507.003 đồng.

**7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau. Mức phân bổ bình quân 200.000.000 đồng/tháng.

**8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và số chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

**10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ**

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

**11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

**12 Thuế**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Do Công ty đặt ở địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn, hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Danh mục ưu đãi đầu tư nên được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%, áp dụng trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2004). Công ty được miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2016). Năm 2011 là năm thứ 4 Công ty giảm thuế TNDN 50% nhưng do lợi nhuận năm 2011 không đủ bù lỗ các năm trước nên không có thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**13 Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	26.031.513	310.151.499
Tiền gửi ngân hàng	872.132.493 (a)	2.867.306.838
<b>Cộng</b>	<b><u>898.164.006</u></b>	<b><u>3.177.458.337</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<u>USD</u>	<u>Số tiền</u>
- Tiền gửi bằng VND	-	381.859.618
- Tiền gửi bằng USD	22.285,91	490.272.875
<b>Cộng</b>	<b><u>22.285,91</u></b>	<b><u>872.132.493</u></b>

**2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	74.022.685.282 (b)	54.717.361.342
Trả trước cho người bán	12.423.189.917 (c)	13.804.959.201
Các khoản phải thu khác	1.065.563.263 (d)	1.053.709.327
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(52.089.847)	(52.089.847)
<b>Cộng</b>	<b><u>87.459.348.615</u></b>	<b><u>69.523.940.023</u></b>



**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(b) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2011 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Phải thu khách hàng trong nước	29.521.492.224	-
- Phải thu khách hàng nước ngoài	44.501.193.058	-
<b>Cộng</b>	<b>74.022.685.282</b>	<b>-</b>

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2011 như sau:

Người bán	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Trả trước người bán trong nước	12.137.625.124	-
- Trả trước người bán nước ngoài	285.564.793	-
<b>Cộng</b>	<b>12.423.189.917</b>	<b>-</b>

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2011 như sau:

	Số tiền	Trong đó, nợ khó đòi
- Phải thu tiền lãi vay hỗ trợ lãi suất	828.552.264	-
- Phải thu người lao động về BHXH	161.075.607	-
- Phải thu người lao động về BHYT	21.476.748	-
- Phải thu thuế GTGT	2.359.560	-
- Phải thu Bà Lê Thị Xinh	52.089.847	52.089.847
- Phải thu khác	9.237	-
<b>Cộng</b>	<b>1.065.563.263</b>	<b>52.089.847</b>

Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2011 như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn trên 3 năm	52.089.847	100%	52.089.847
<b>Cộng</b>			<b>52.089.847</b>

Số đã lập dự phòng	52.089.847
Số còn phải lập dự phòng	-

**3 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.695.737.263 (e)	11.077.446.122
Công cụ, dụng cụ	1.215.698.571 (f)	1.241.419.842
Thành phẩm	438.502.930.595 (g)	301.200.430.946
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.379.476.847) (h)	(10.379.476.847)
<b>Cộng</b>	<b>437.034.889.582</b>	<b>303.139.820.063</b>

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả:
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(e) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Nguyên vật liệu chính (tôm nguyên liệu)	79.789.072
- Vật liệu phụ	559.349.245
- Nhiên liệu	1.648.289
- Phụ tùng thay thế	269.432.130
- Vật liệu xây dựng	115.685.119
- Bao bì đóng gói	3.794.888.180
- Vật liệu phòng công nghệ	2.764.670.043
- Vật liệu khác	110.275.185
<b>Cộng</b>	<b>7.695.737.263</b>

(f) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Công cụ dụng cụ	1.215.698.571
<b>Cộng</b>	<b>1.215.698.571</b>

(g) Chi tiết số dư thành phẩm tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Thành phẩm thủy sản các loại	438.502.930.595
<b>Cộng</b>	<b>438.502.930.595</b>

(h) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Thành phẩm thủy sản các loại	10.379.476.847
<b>Cộng</b>	<b>10.379.476.847</b>

**4 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	611.927.858 (i)	689.566.309
Thuế GTGT được khấu trừ	2.666.359.509	2.856.254.774
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	38.638.653	38.638.653
Tài sản ngắn hạn khác	1.079.297.079 (j)	1.077.139.918
<b>Cộng</b>	<b>4.396.223.099</b>	<b>4.661.599.654</b>

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Chi phí chuyển quyền sử dụng đất chưa hoàn thành	229.669.250
- Chi phí bảo hiểm tài sản	95.454.545
- Thuế nhập khẩu tạm nộp nguyên liệu chế biến hàng XK	286.804.063
<b>Cộng</b>	<b>611.927.858</b>

(j) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<b>Số tiền</b>
- Tạm ứng	1.079.297.079
<b>Cộng</b>	<b>1.079.297.079</b>

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>253.618.265.002</b>	<b>9.196.738.808</b>	<b>369.929.132</b>	<b>262.445.074.678</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	84.427.632.313	5.363.478.866	-	89.791.111.179
- Máy móc thiết bị	139.129.300.404	2.330.574.852	369.929.132	141.089.946.124
- PT vận tải, TB truyền dẫn	27.830.862.156	1.443.009.090	-	29.273.871.246
- Thiết bị quản lý	2.230.470.129	59.676.000	-	2.290.146.129
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>110.054.016.375</b>	<b>11.636.676.673</b>	<b>119.702.271</b>	<b>121.570.990.777</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.113.732.933	2.134.513.905	-	24.248.246.838
- Máy móc thiết bị	71.783.425.977	7.631.828.738	119.702.271	79.295.552.444
- PT vận tải, TB truyền dẫn	14.622.352.572	1.767.772.992	-	16.390.125.564
- Thiết bị quản lý	1.534.504.893	102.561.038	-	1.637.065.931
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>143.564.248.627</b>			<b>140.874.083.901</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	62.313.899.380			65.542.864.341
- Máy móc thiết bị	67.345.874.427			61.794.393.680
- PT vận tải, TB truyền dẫn	13.208.509.584			12.883.745.692
- Thiết bị quản lý	695.965.236			653.080.198

- GT còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 125.511.615.421
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 23.194.263.346
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Tài sản tăng do mua sắm	3.910.735.996
- Tài sản tăng do đầu tư XD CB	5.286.002.812
<b>Cộng</b>	<b>9.196.738.808</b>

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Tài sản giảm do thanh lý, nhượng bán	369.929.132
<b>Cộng</b>	<b>369.929.132</b>

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>3.543.968.673</b>	-	-	<b>3.543.968.673</b>
- Quyền sử dụng đất	3.543.968.673	-	-	3.543.968.673
<b>Hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.543.968.673</b>			<b>3.543.968.673</b>
- Quyền sử dụng đất	3.543.968.673			3.543.968.673

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí dự án nuôi cá Cồn Sơn	-	321.339.976
- CP lãi vay vốn hóa nhận chuyển nhượng QSDĐ	5.706.131.004	3.664.624.001
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	323.664.023	5.174.958.783
<b>Cộng</b>	<b><u>6.029.795.027</u></b>	<b><u>9.160.922.760</u></b>

**8 Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	17.038.026.148 (k)	18.407.272.537
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	1.332.713	1.332.713
<b>Cộng</b>	<b><u>17.039.358.861</u></b>	<b><u>18.408.605.250</u></b>

(k) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2011 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản	7.711.984.967
- Chi phí công cụ dụng cụ	8.032.856.258
- Lợi thế thương mại	1.293.184.923
<b>Cộng</b>	<b><u>17.038.026.148</u></b>

**9 Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	523.027.717.078 (l)	427.918.632.086
<b>Cộng</b>	<b><u>523.027.717.078</u></b>	<b><u>427.918.632.086</u></b>

(l) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2011 như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>USD</u>	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng SHB, CN Cần Thơ	11.920.377,04	248.277.612.989
- Ngân hàng SHB, CN Cần Thơ (vay chiết khấu)	418.000,00	8.706.104.000
- Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ	7.042.306,00	146.677.149.368
- Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ (vay chiết khấu)	34.890,75	726.704.542
- Ngân hàng BIDV, CN Vị Thanh	2.580.200,00	53.740.405.600
- Ngân hàng BIDV, CN Vị Thanh (vay chiết khấu)	475.676,24	9.907.384.727
- Ngân hàng Sacombank, CN Cái Lớn	1.440.309,00	29.998.755.852
- Ngân hàng Hàng Hải, CN Cần Thơ	1.200.000,00	24.993.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.111.759,03</u></b>	<b><u>523.027.717.078</u></b>

**10 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	58.284.092.833 (m)	6.852.006.489
Người mua trả tiền trước	1.913.523.846 (n)	1.864.434.091
<b>Cộng</b>	<b><u>60.197.616.679</u></b>	<b><u>8.716.440.580</u></b>

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(m) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2011 như sau:

**Người bán**

- Phải trả các nhà cung cấp trong nước
  - Phải trả các nhà cung cấp nước ngoài
- Cộng**

	<b>Số tiền</b>
	49.857.370.483
	8.426.722.350
	<b>58.284.092.833</b>

(n) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2011 như sau:

**Khách hàng**

- Khách hàng trong nước trả trước tiền mua hàng
  - Khách hàng nước ngoài trả trước tiền mua hàng
- Cộng**

	<b>Số tiền</b>
	153.856.727
	1.759.667.119
	<b>1.913.523.846</b>

**11 Chi phí phải trả**

- Trích trước chi phí lãi vay
- Cộng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	506.244.915	300.923.694
	<b>506.244.915</b>	<b>300.923.694</b>

**12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn
  - BHXH, BHYT, BHTN
  - Phải trả khác
- Cộng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	130.854.970	158.737.723
	714.737.821	540.857.477
	450.634.918	201.413.624
	<b>1.296.227.709</b>	<b>901.008.824</b>



**13 Các khoản vay và nợ dài hạn**

- Vay dài hạn
- Cộng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	37.553.882.200	44.187.288.000
	<b>37.553.882.200</b>	<b>44.187.288.000</b>

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2011 như sau:

**Ngân hàng**

- Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ
  - Ngân hàng SHB, CN Cần Thơ
  - Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ
- Cộng**

	<b>USD</b>	<b>Số tiền</b>
	-	1.133.000.000
	1.714.000,00	35.699.192.000
	34.650,00	721.690.200
	<b>1.748.650,00</b>	<b>37.553.882.200</b>

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.809.600.000	-	-	98.809.600.000
Thặng dư vốn	957.682.720	-	-	957.682.720
Vốn khác	23.347.399.760	-	-	23.347.399.760
Cổ phiếu quỹ	(20.611.750.394)	-	-	(20.611.750.394)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.438.714.014	1.566.673.613	2.903.001.357	102.386.270
Quỹ dự phòng tài chính	423.000.000	-	-	423.000.000
LN sau thuế chưa phân phối	(30.751.551.957)	9.189.949.435	3.353.907.749	(24.935.510.271)
<b>Cộng</b>	<b>73.613.094.143</b>	<b>10.736.623.048</b>	<b>6.256.909.106</b>	<b>78.092.808.085</b>

**b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.809.600.000	-	-	98.809.600.000
Thặng dư vốn	957.682.720	-	-	957.682.720
Vốn khác	23.347.399.760	-	2.922.454.922	20.424.944.838
Cổ phiếu quỹ	(20.611.750.394)	-	-	(20.611.750.394)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	102.386.270	3.468.034.968	7.502.253.634	(3.931.832.396)
Quỹ dự phòng tài chính	423.000.000	-	-	423.000.000
LN sau thuế chưa phân phối	(24.935.510.271)	5.833.891.018	2.757.498.248	(21.859.117.501)
<b>Cộng</b>	<b>78.092.808.085</b>	<b>9.301.925.986</b>	<b>13.182.206.804</b>	<b>74.212.527.267</b>

**c. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty SCIC	28.654.800.000	28.654.800.000
- Cổ đông cá nhân	70.154.800.000	70.154.800.000
<b>Cộng</b>	<b>98.809.600.000</b>	<b>98.809.600.000</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 92.682

**d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn đầu năm	98.809.600.000	98.809.600.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn cuối năm	98.809.600.000	98.809.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**e. Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011  
 Đơn vị tính: đồng Việt Nam

f. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	988.096	988.096
- Số lượng CP đã được bán ra công chúng	988.096	988.096
+ Cổ phiếu thường	988.096	988.096
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	92.682	92.682
+ Cổ phiếu thường	92.682	92.682
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	895.414	895.414
+ Cổ phiếu thường	895.414	895.414
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	856.870.472.800	846.794.666.053
- Doanh thu bán phụ phẩm	59.797.527.628	37.287.980.360
<b>Cộng</b>	<b>916.668.000.428</b>	<b>884.082.646.413</b>

**2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	-	9.731.354.322
- Hàng bán bị trả lại	8.883.771.940	1.941.889.850
<b>Cộng</b>	<b>8.883.771.940</b>	<b>11.673.244.172</b>

**3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	744.281.525.111	766.836.087.492
- Giá vốn bán phụ phẩm	59.797.527.628	37.287.980.360
<b>Cộng</b>	<b>804.079.052.739</b>	<b>804.124.067.852</b>

**4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.631.694.095	3.021.021.245
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.700.606.593	49.627.477.213
- Lãi bán hàng trả chậm	756.598.011	3.443.803.550
<b>Cộng</b>	<b>30.088.898.699</b>	<b>56.092.302.008</b>

**5 Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	30.482.055.942	34.016.118.571
- Chi phí lãi trong thanh toán	144.068.126	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.430.649.136	27.330.955.694
<b>Cộng</b>	<b>81.056.773.204</b>	<b>61.347.084.265</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
<b>6 Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.670.133.226	30.308.562.842
- Chi phí bằng tiền khác	5.183.801.103	6.585.347.654
<b>Cộng</b>	<b>28.853.934.329</b>	<b>36.893.910.496</b>
<b>7 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	11.747.459.487	9.652.604.589
- Chi phí vật liệu quản lý	259.794.496	287.086.870
- Chi phí khấu hao TSCĐ	114.048.777	186.189.056
- Thuế, phí và lệ phí	242.970.973	453.137.404
- Chi phí dự phòng	-	52.089.847
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.792.989.489	2.686.185.777
- Chi phí bằng tiền khác	2.707.644.104	3.402.492.933
<b>Cộng</b>	<b>17.864.907.326</b>	<b>16.719.786.476</b>
<b>8 Thu nhập khác</b>		
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	143.704.264	40.637.788
<b>Cộng</b>	<b>143.704.264</b>	<b>40.637.788</b>
<b>9 Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.226.861	216.092.381
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	78.045.974	71.451.132
<b>Cộng</b>	<b>328.272.835</b>	<b>287.543.513</b>
<b>10 Phân phối lợi nhuận</b>		
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</i>		(24.935.510.271)
<i>Lợi nhuận trước thuế năm nay</i>		5.833.891.018
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN</i>		451.438.183
- Chi phí không được trừ		451.438.183
<i>Lỗ từ các năm trước chuyển sang</i>		(20.824.220.271)
<i>Lợi nhuận tính thuế TNDN</i>		(14.538.891.070)
<i>Tổng lợi nhuận sau thuế</i>		(19.101.619.253)
- Chi khen thưởng		2.757.498.248
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</i>		(21.859.117.501)
<i>Số lỗ lũy kế được chuyển lỗ sang cho năm 2012 và năm 2013</i>		(14.538.891.070)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

AA57750  
 CHI NHÁ  
 CÔNG  
 CH NHÌM  
 KIỂM T  
 SAO V



**CÔNG TY CP THỦY SẢN CAFATEX**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Những thông tin khác

**Trần Thị Ngọc Dung**  
Người lập

**Trần Minh Thành**  
Kế toán trưởng



  
**Nguyễn Văn Kịch**  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2012